TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM - KHÓA 2020

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																			TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
1	DH62003504	Đinh Ngọc Khánh	Băng	D20_TP01																5.76	5.76		5.14	5.17		5.45	69/77	31/34				DAT	DH20
2	DH62002267	Phan Thị Phương	Dung	D20_TP01																7.43	7.29		7.10	7.61		7.35	77/77	34/34				DAT	DH20
3	DH62001968	Võ Cao Hoàng	Giang	D20_TP01																5.33	5.29		6.00	5.11		5.37	56/77	26/34				DAT	DH20
4	DH62002240	Nguyễn Quan Minh	Hiếu	D20_TP01																4.57	4.59		5.78	4.94		5.14	60/77	28/34				DAT	DH20
5	DH62001596	Nguyễn Hữu	Hòa	D20_TP01																6.19	5.35		4.33	0.00		4.05	41/77	19/34	CCHV_1			CCHV	DH20
6	DH62003316	Huỳnh Thị	Lê	D20_TP01																6.24	6.24		5.33	6.39		6.03	71/77	32/34				DAT	DH20
7	DH62000011	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	D20_TP01																6.62	7.76		7.29	7.28		7.21	77/77	34/34				DAT	DH20
8	DH62000058	Thái Phúc	Nguyên	D20_TP01																6.10	4.94		5.69	5.17		5.50	62/77	29/34				DAT	DH20
9	DH62001081	Trần Uyển	Nhi	D20_TP01																6.14	7.29		6.52	6.06		6.48	74/77	33/34				DAT	DH20
10	DH62003042	Trương Thị Thanh	Nhi	D20_TP01																6.19	5.65		5.95	3.22		5.31	58/77	27/34	CCHV_1			CCHV	DH20
11	DH62001078	Đỗ Thị Quỳnh	Như	D20_TP01																6.62	8.06		7.24	6.61		7.10	74/77	33/34				DAT	DH20
12	DH62001232	Nguyễn Hoài	Phong	D20_TP01																3.52	5.59		1.86	0.00		2.70	21/77	11/34	CCHV_2			CCHV	DH20
13	DH62001530	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	D20_TP01																6.14	6.94		6.92	6.17		6.69	74/77	33/34				DAT	DH20
14	DH62003604	Lê Thị Thanh	Thúy	D20_TP01																5.71	6.18		6.32	5.72		6.10	69/77	31/34				DAT	DH20
15	DH62003916	Dương Trung	Tính	D20_TP01																5.71	6.41		6.56	6.44		6.40	74/77	33/34				DAT	DH20
16	DH62000724	Lê Thị Quế	Trân	D20_TP01																6.14	6.47		6.71	5.94		6.32	74/77	33/34				DAT	DH20
17	DH62003273	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	D20_TP01																6.57	7.24		6.57	6.83		6.78	75/77	33/34				DAT	DH20
18	DH62003487	Trương Thị Thúy	Vy	D20_TP01																5.81	6.76		5.57	0.00		4.60	59/77	26/34	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH20
19	DH62007220	Trương Huỳnh Th Phước	An	D20_TP02																6.71	7.76		7.29	7.56		7.30	77/77	34/34				DAT	DH20
20	DH62006441	Trần Thị Mộng	Cầm	D20_TP02																5.86	7.29	8.00	6.43	6.06		6.58	74/77	33/34				DAT	DH20
21	DH62004754	Trương Tố	Dân	D20_TP02																3.95	1.71		6.71	4.17		4.26	44/77	21/34				DAT	DH20
22	DH62006450	Phạm Quốc	Đạt	D20_TP02																6.14	6.88		7.24	6.89		6.78	74/77	33/34				DAT	DH20
23	DH62007278	Trần Kiến	Hào	D20_TP02																4.57	7.53	7.44	7.43	6.50		6.96	74/77	33/34				DAT	DH20
24	DH62006455	Dương Đình Quốc	Huy	D20_TP02																6.05	7.12		6.90	6.56		6.64	70/77	32/34				DAT	DH20
25	DH62007013	Nguyễn Văn	Khoa	D20_TP02																6.52	7.47		6.00	7.33		6.78	72/77	32/34				DAT	DH20
26	DH62004577	Đỗ Tuấn	Kiệt	D20_TP02																3.81	6.35		7.05	1.06		4.61	46/77	21/34	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH20
27	DH62006466	Đặng Minh	Luân	D20_TP02																5.90	4.59		6.60	4.28		5.32	48/77	24/34				DAT	DH20
28	DH62004798	Nguyễn Kim	Ngân	D20_TP02																4.29	6.06	6.86	5.78	6.11	8.00	6.14	68/77	31/34				DAT	DH20
29	DH62004147	Nguyễn Ngọc	Ngân	D20_TP02																4.57	6.65		7.38	6.72	6.00	6.78	74/77	33/34				DAT	DH20
30	DH62006642	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D20_TP02																4.86	6.94	7.43	6.43	7.28		6.77	77/77	34/34				DAT	DH20
31	DH62000184	Trần Vương	Pháp	D20_TP02																5.76	6.24		5.95	6.22	8.00	6.22	71/77	32/34				DAT	DH20
32	DH62004857	Nguyễn Anh	Quân	D20_TP02																3.90	5.82	4.78	5.14	4.83		5.19	58/77	26/34				DAT	DH20
33	DH62004814	Trần Tú	Quyên	D20_TP02																5.29	6.00		7.13	5.75		6.47	74/77	33/34				DAT	DH20
34	DH62006496	Võ Thị Kim	Thanh	D20_TP02																5.90	7.06		7.39	7.00		6.91	77/77	34/34				DAT	DH20
35	DH62004812	Hà Bạch Kim	Tiên	D20_TP02																4.95			7.00	6.44		6.53	55/77	25/34				DAT	DH20
36	DH62006493	Nguyễn Trung	Tín	D20_TP02																4.90	7.24		7.00	5.50		6.21	65/77	30/34				DAT	DH20
37	DH62006505	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	D20_TP02																6.52	7.29		7.67	6.83		7.08	77/77	34/34				DAT	DH20

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM - KHÓA 2020

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																				TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
38	DH62004919	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	D20_TP02																4.95	6.41		6.86	6.39	5.57	6.35	74/77	33/34				DAT	DH20
39	DH62006514	Trần Thanh	Vy	D20_TP02																5.38	6.65		6.71	5.78	6.00	6.22	70/77	31/34				DAT	DH20
40	DH62007265	Bùi Phi	Yến	D20_TP02																6.71	6.35		7.43	6.22		6.71	74/77	33/34				DAT	DH20

Lưu ý: **- Điểm trung bình được tính đến ngày 19/08/2022 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).**

- Phòng Đào tạo nhận đơn và giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Hai, ngày 22/08/2022 đến hết Thứ Sáu, ngày 26/08/2022. Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú:

Cột (C01) đến cột (C21): - Điểm trung bình học kỳ

- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:

151 năm học 2015 - 2016 học kỳ 1

152 năm học 2015 - 2016 học kỳ 2

153 năm học 2015 - 2016 học kỳ hè

161 năm học 2016 - 2017 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy

Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện

Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

Qui ước:

[1] NoHP: Nợ học phí

[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học

[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập

[4] BTH: Buộc thôi học

[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học

[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập

[7] DC: Đình chỉ học tập

[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập

[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân

[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân

[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh

[12] DAT Đạt

Tp. HCM, ngày 22 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BẢNG

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Trúc

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

(Đã ký)

ThS. Lê Thị Ngọc Phượng

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS, TS. Cao Hào Thi